

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/6/2021
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Quang Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Kiệm
2. Ông Lê Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Quý D, địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hải Như, địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị D vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Anh Như vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/11/20020, nguyên đơn chị Trần Thị Quý D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hải N kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh chị không có công việc làm ổn định, kinh tế thiếu thốn, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay tình cảm giữa chị và anh Như không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hải N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Hải N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến của mình.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự Thẩm phán, Thư ký tòa án, các Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn đều thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Bị đơn không tham gia quá trình giải quyết vụ án nên vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị Quý D được ly hôn anh Nguyễn Hải Như.

+ Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Hải N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; các Giấy triệu tập của Tòa án). Tuy nhiên, anh N không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến, không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh

N vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Quý D và anh Nguyễn Hải N kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân chị D và anh Như là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị D và anh Như có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có công việc ổn định, kinh tế thiếu thốn, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng chị thường xảy ra cãi vã nhau. Anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N không gửi văn bản trình bày ý kiến, không đến tham gia phiên hòa giải và phiên tòa. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị D và anh N là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị D yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Trần Thị Quý D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Trần Thị Quý D được ly hôn anh Nguyễn Hải N.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Quý D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Quý D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Quý D phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005839 ngày 01 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đàm Quang Hiệp